



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07TH (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV319

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07329047	BÙI HỮU HUẤN	18/08/88			2	hai
2	07329050	TẠ TRÍ	03/10/88			1	1
3	07329049	VŨ NGUYỄN THỂ	03/08/89			5	nam
4	07329051	NGUYỄN THỊ DIỆU	14/12/89			8	nam
5	07329052	NGUYỄN NGỌC HUYNH	26/07/83			1	1
6	07329054	ĐOÀN VĂN KHA	08/07/87			5	nam
7	07329055	LÊ MINH KHANG	12/04/89			3	ba
8	07329056	TRẦN DƯƠNG QUỐC KHÁNH	13/09/88			2	hai
9	07329059	PHAN TẤN KHÔI	13/01/89			3	ba
10	07329185	ĐẶNG VĂN LÂM	12/09/89			3	ba
11	07329062	NGUYỄN VĂN LÂM	26/04/89			2	hai
12	07329063	NGUYỄN NGỌC LÂN	28/04/89			2	hai
13	07329064	MAI THỊ HỒNG LIÊM	19/05/89			8	nam
14	07329067	DƯƠNG THỊ TRÚC LINH	03/07/89			6	sáu
15	07329069	NGUYỄN DUY LONG	01/08/88			1	1
16	07329070	HUỲNH QUỐC LỘC	22/01/89			6	sáu
17	07329076	HUỲNH DƯƠNG HUỆ MINH	22/04/88			5	nam
18	07329078	ĐÌNH NHƯ NAM	08/07/88			6	sáu
19	07329184	HOÀNG TRỌNG TRẦN NAM	04/07/89			1	1
20	07329079	PHẠM ĐĂNG PHƯƠNG NAM	22/09/87			3	ba
21	07329080	HUỲNH THẠCH NGHĨA	03/10/89			3	ba
22	07329083	NGUYỄN VĂN NGỌC	10/10/88			5	nam
23	07329081	PHẠM THANH NGỌC	01/01/89			1	1
24	07329085	NGUYỄN TRỌNG NGŨ	18/11/88			3	ba
25	07329086	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHA	23/11/89			9	chín
26	07329087	ĐÀO VĂN NHANH	28/12/89			8	nam

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 21 Số bài: 21 Số tờ: 23

Ngày 10 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Nguyễn Hồng Hải



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07AV (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07128072	ĐỖ THỊ BÁCH	THẢO	20/05/88		4	bốn
2	07128074	NGUYỄN HOÀNG THANH	THẢO	10/05/89		4	bốn
3	07128075	NGUYỄN TRỌNG	THIỆN	25/08/89		3	ba
4	07128076	VŨ THỊ THANH	THOÀ	02/07/89		7	bảy
5	07128077	LÊ THỊ HOÀNG	THUẬN	08/01/89		3	ba
6	07128078	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÚY	02/04/89		2	hai
7	07128079	LÊ TRẦN ANH	THƯ	13/11/88		8	tám
8	07128080	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	27/07/89		9	chín
9	07128082	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	29/08/88		6	sáu
10	07128081	TRỊNH KIM	THƯ	21/06/89		3	ba
11	07128083	TRƯƠNG THỊ THU	THƯƠNG	02/12/88		8	tám
12	07128087	BÙI NGỌC THỦY	TIẾN	09/11/87		6	sáu
13	07128086	ĐẶNG THỊ NGỌC	TIẾN	16/03/88		3	ba
14	07128085	NGUYỄN THỊ MỸ	TIẾN	10/03/89		7	bảy
15	07128084	VÕ THỊ CÁT	TIẾN	22/08/88		3	ba
16	07128088	NGUYỄN THỊ THU	TRÀ	12/08/88		5	năm
17	07128089	NGÔ THỊ QUỲNH	TRANG	10/06/84		3	ba
18	07128090	PHẠM THỊ THU	TRANG	03/02/89		4	bốn
19	07128091	VÕ THỊ NGỌC	TRÂM	16/03/89		3	ba
20	07128092	TRẦN THỊ MỸ	TRẦN	01/12/89		3	ba
21	07128093	DƯƠNG MINH	TRÍ	22/12/89		8	tám
22	07128094	LA THÀNH	TRIẾT	08/02/89		6	sáu
23	07128095	LÊ THỊ THANH	TRÚC	25/08/89		3	ba
24	07128096	NGUYỄN VÕ THANH	TRÚC	30/10/89		8	tám
25	07128098	PHẠM THỊ	TUYẾN	12/02/89		4	bốn
26	07128097	TRẦN THỊ KIM	TUYẾN	16/02/89		6	sáu
27	07128102	BẠCH THUY THỦY	VÂN	01/05/89		6	sáu
28	07128101	NGUYỄN THỊ	VÂN	20/04/87		4	bốn
29	07128100	TRẦN THỊ THANH	VÂN	13/01/88		4	bốn
30	07128103	VŨ THỊ	VÓC	20/03/89		4	bốn
31	07128105	LÂM MỸ	XUÂN	03/06/89		6	sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 31 Số bài: 31 Sở từ: 34

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Đình Nguyên

Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Thị Hoàng Anh

Xác nhận của bộ môn TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1 Nguyễn Hợp Hải

Cán bộ chấm thi 2 _____



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07GB (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi RD401

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07134001	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG	AN	21/09/89		7	ba
2	07134002	VÕ HOÀI	ÂN	23/10/89		8	tám
3	07134027	LÊ PHẠM HIỆP	CÔNG	28/08/89		3	ba
4	07134003	NGUYỄN XUÂN	DANH	17/02/88		7	ba
5	07134005	ÔN THỊ MAI	GIÁU	31/12/88		6	sáu
6	07134006	CHÂU NGUYỄN NGÂN	HÀ	28/03/88		5	nam
7	07134007	PHẠM THỊ	HĂNG	30/04/89		8	tám
8	07134008	NGUYỄN THỊ BÉ	HIỀN	14/04/89		3	ba
9	07134009	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	28/01/88		3	ba
10	07134029	DƯƠNG FƯỚC	HƯNG	07/08/88		3	ba
11	07134010	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	25/07/88		3	ba
12	07134011	TRẦN DUY	KHA	15/10/89		7	ba
13	07134012	TRẦN LÊ NHẬT	KHANH	19/03/89		6	sáu
14	07134013	VŨ THỊ	LIÊN	19/06/89	✓	✓	✓
15	07134030	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	10/05/88		7	ba
16	07134031	TRẦN VĂN	LONG	15/04/87		3	ba
17	07134014	TRẦN XUÂN	LỘC	08/01/89		7	ba
18	07134016	TRẦN KHẮC	NGUYỄN	25/04/88		6	sáu
19	07134017	PHẠM THỊ PHƯƠNG	NHI	02/11/89		8	tám
20	07134018	NGUYỄN ĐÌNH HUỖNH	NHƯ	20/10/89		7	ba
21	07134019	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	10/01/88		7	ba
22	07134021	PHẠM VĂN	TAO	24/06/89		8	tám
23	07134035	CAO MINH	TÂM	04/09/89	✓	✓	✓
24	07134036	LÊ LAM	THANH	15/03/89		3	ba
25	07134037	NGUYỄN ẮN	THIỆN	27/09/89	✓	✓	✓
26	07134023	HUỶNH KIM	TIẾN	02/03/89		4	bốn
27	07134039	HUỶNH THỊ	TRANG	04/10/88		6	sáu
28	07134024	LÊ THÀNH	TƯỜNG	04/05/89		6	sáu
29	07134025	MAI HUỶNH TỔ	UYÊN	13/02/89		5	nam
30	07134026	NGUYỄN MINH	ỨNG	20/10/87		3	ba

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 33 Số bài: 33 Số tờ: 34

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Nguyễn Huệ



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07TD (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV400

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07138001	PHAM DUY AN	19/01/89			7	ba
2	07119008	DƯƠNG NGỌC QUỐC ANH	27/10/89			7	ba
3	07138002	TRẦN VỸ ANH	07/05/85			3	ba
4	07138018	LÊ QUỐC CẢNH	15/12/89			7	ba
5	07138019	NGUYỄN THANH CẢNH	25/10/88			3	ba
6	07138003	LÊ HOÀNG CHÂU	26/10/89			7	ba
7	07138004	TRẦN CÔNG DANH	06/02/89			6	sáu
8	07138020	HUỖNH CÔNG DÂN	01/02/89			3	ba
9	07138021	LÊ ANH DŨNG	02/09/88			3	ba
10	07138022	NGUYỄN ANH DŨNG	06/06/88			3	ba
11	07138005	TRƯƠNG VIỆT ĐỨC	28/02/89			3	ba
12	07138024	PHAM ĐỨC HIỆP	15/08/89			3	ba
13	07138025	NGÔ TRÍ HIẾU	20/03/89			6	sáu
14	07138026	NGUYỄN TRÍ HIẾU	22/04/89			7	ba
15	07138027	NGUYỄN THÁI HOÀNG	26/03/89			6	sáu
16	07138006	NGUYỄN BÀ HÙNG	15/08/84			6	sáu
17	07138031	NGUYỄN QUỐC KHÁI	20/01/89			3	ba
18	07138030	TRẦN QUANG KHÁI	10/11/88			3	ba
19	07138032	NGUYỄN VĂN THÀNH LINH	26/10/87			3	ba
20	07138033	NGUYỄN MINH LONG	18/09/88			3	ba
21	07138034	LÊ NGỌC MINH LỘC	01/01/89			4	bốn
22	07138035	BÙI VĂN LỢI	03/03/85			3	ba
23	07138007	NGUYỄN VIỆT LUẬN	19/06/88			7	ba
24	07138036	BÙI CÔNG LỰC	26/02/86			3	ba
25	07138037	KIẾN NGỌC LÝ	20/11/87			3	ba
26	07138038	ĐÌNH VĂN MINH	08/02/89			3	ba
27	07138008	LƯƠNG HOÀNG MINH	18/02/89			6	sáu
28	07138009	TRẦN HOÀI NAM	31/05/89			3	ba
29	07138039	NGUYỄN TUẤN NGUYỄN	07/09/89			7	ba
30	06138037	CAO VĂN PHONG	/ /87			3	ba
31	07138040	CÙ NHẬT PHÚ	20/11/90			8	tám
32	07138042	PHAN ĐỨC QUÝ	13/06/88			3	ba
33	07138043	NGUYỄN HOÀNG SANG	30/11/89			7	ba
34	07138044	ĐẶNG HỮU SONG	07/03/88			7	ba
35	07138010	NGUYỄN TRỌNG TẤN	14/02/88			6	sáu
36	07138048	ĐÌNH VĂN THÁI	12/10/86			3	ba

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi Lớp DH07TD (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07138047	PHẠM NGỌC THÁI	10/05/88		thái	3	ba
38	07138049	PHẠM ĐẠT THÀNH	22/10/88		cham	4	bốn
39	07138011	VÕ HUY THỊNH	26/09/89		Thinh	5	nam
40	07138050	NGUYỄN ĐĂNG THỌ	07/10/88		nguyen	5	nam
41	07138051	VŨ KHOA THỌ	27/07/89		vu	6	sáu
42	07138053	TRẦN THỊ THANH THÚY	24/05/89		thuy	6	sáu
43	07138054	LÊ VIỆT TIẾN	14/04/89		le	7	bảy
44	07138055	NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG	09/12/87		hong	3	ba
45	07138013	LÂM NGUYỄN MINH TRÍ	09/01/89		lam	4	bốn
46	07138012	NGUYỄN CAO TRÍ	09/01/89		cao	5	nam
47	07138056	TRẦN VĂN TRỌNG	12/11/88		tran	3	ba
48	07138057	LÊ XUÂN TRƯỜNG	30/09/88		le	3	ba
49	07138014	NGUYỄN QUỐC TUẤN	24/08/88		quoc	4	bốn
50	07138059	TRƯƠNG ĐỨC TUỆ	11/11/88		truong	6	sáu
51	07138060	LÊ THANH TÙNG	20/11/88		le	3	ba
52	07138061	VŨ THANH TÙNG	31/05/86		vu	4	bốn
53	07138062	LÝ QUANG VIÊN	09/09/89		ly	3	ba
54	07138063	NGUYỄN NGỌC VIỆT	20/11/85		nguyen	3	ba
55	07138065	TRẦN VĂN VIỆT	20/12/89		tran	5	nam
56	07138015	ĐẶNG TIẾN VINH	27/08/89		vang	✓	✓
57	07138066	TRẦN THANH VINH	06/08/89		tran	3	ba
58	07138067	PHẠM ANH VŨ	12/02/88		pham	3	ba
59	07138068	PHAN TRUNG VŨ	20/05/87		phan	3	ba
60	07138016	NGUYỄN VŨ XUÂN	08/02/89		nguyen	6	sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 55 Số bài: 55 Số tờ: 57

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Lê Thị Kim Hằng

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Ngọc Lan

Xác nhận của bộ môn

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

Ngô Hồng Hải

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07CQ (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV219

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07333066	DƯƠNG NHỰT HUY	06/03/89		<i>Thuy</i>	8	<i>nam</i>
2	07333065	NGUYỄN HỮU	09/07/88			✓	
3	07333067	NGUYỄN THÀNH	09/07/89		<i>Thuy</i>	5	<i>nam</i>
4	07333068	TRẦN NGUYỄN HẠ	06/01/88		<i>Thuy</i>	4	<i>ba</i>
5	07333069	ĐẶNG THỊ	10/10/86		<i>Thuy</i>	3	<i>ba</i>
6	07333070	PHẠM THỊ	25/02/89		<i>Thuy</i>	5	<i>nam</i>
7	07333071	LÊ THỊ THU	04/07/89		<i>Thuy</i>	3	<i>ba</i>
8	07333072	LÊ HOÀNG	1 / 88		<i>Thuy</i>	8	<i>nam</i>
9	07333073	PHAN VĂN	28/10/88		<i>Thuy</i>	2	<i>ba</i>
10	07333074	BÙI DUY	15/09/89		<i>Thuy</i>	3	<i>ba</i>
11	07333075	NGUYỄN VĂN	10/12/86			✓	
12	07333076	NGUYỄN THỊ	17/02/87		<i>Thuy</i>	4	<i>ba</i>
13	07333077	PHẠM THỊ	14/11/88		<i>Thuy</i>	6	<i>nam</i>
14	07333078	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	18/07/88		<i>Thuy</i>	6	<i>nam</i>
15	07329061	VÕ THANH	24/09/89		<i>Thuy</i>	3	<i>ba</i>
16	07333079	VÕ THÀNH TRÚC	22/09/89		<i>Thuy</i>	7	<i>ba</i>
17	07333080	LỮ DUY	19/07/87		<i>Thuy</i>	3	<i>ba</i>
18	07333083	DƯƠNG THỊ	13/12/88		<i>Thuy</i>	5	<i>nam</i>
19	07333084	LÊ THỊ	22/05/87			✓	
20	07333085	NGUYỄN THỊ	25/09/89			✓	
21	07333086	TRẦN THỊ TRÚC	28/06/88		<i>Thuy</i>	5	<i>nam</i>
22	07333089	ĐINH THỊ THÙY	04/11/89		<i>Thuy</i>	3	<i>ba</i>
23	07333088	LÊ NGỌC	10/11/86		<i>Thuy</i>	3	<i>ba</i>
24	07333090	LÊ THỊ TỔ	25/11/88		<i>Thuy</i>	3	<i>ba</i>
25	07333091	VĂN THỊ TRÚC	06/06/89			✓	
26	07333094	DƯƠNG THỊ	05/05/89		<i>Thuy</i>	8	<i>nam</i>
27	07333092	TRƯƠNG THỊ HỒNG	04/02/87		<i>Thuy</i>	6	<i>nam</i>

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Số tờ: 23

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi

Nguyễn Văn Tạng

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hồng

Xác nhận của bộ môn

TS. Võ Thị Hồng

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn Hợp Hải

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07HH (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi RD403

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTĐ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07139003	NGUYỄN BÍCH ANH	12/06/89		<i>anh</i>	3	ba
2	07139007	TRẦN TUẤN ANH	04/03/89		<i>trần</i>	6	sáu
3	07139008	LÊ ĐỨC AN	15/05/89		<i>an</i>	8	tám
4	07139012	NGUYỄN HOÀNG BẢO	26/07/89		<i>Bao</i>	6	sáu
5	07139014	PHÔNG THIẾU BĂNG	15/02/89		<i>phong</i>	5	nam
6	07139020	NGUYỄN VĂN BÌNH	08/04/89		<i>binh</i>	4	bốn
7	07139025	LÊ THỊ NGỌC CHÂU	04/07/88		<i>chau</i>	5	nam
8	07139027	NGUYỄN HỮU CHUNG	15/08/88		<i>chung</i>	6	sáu
9	07139040	PHẠM ÁNH DUYÊN	04/01/88		<i>duyen</i>	3	ba
10	07139042	NGUYỄN VĂN DUY	24/12/89		<i>duy</i>	8	tám
11	07139050	TRẦN THỊ THUY ĐƠN	06/10/89		<i>thuy</i>	7	bảy
12	07139052	NGUYỄN CẢNH ĐƯƠNG	13/08/89		<i>duong</i>		
13	07139054	PHẠM NHẬT MINH GIANG	30/04/89		<i>minh</i>	7	bảy
14	07139057	VÕ ĐÀO THỦY HẠ	28/02/89		<i>thuy</i>	5	nam
15	07139060	ĐINH VĂN HẢI	02/05/88		<i>hai</i>	3	ba
16	07139059	ĐOÀN THANH HẢI	06/02/89		<i>hai</i>	6	sáu
17	07139063	NGUYỄN TOÀN HẠNH	19/02/89		<i>hanh</i>	3	ba
18	07139070	NGUYỄN THANH HIẾU	29/07/89		<i>thuy</i>	4	bốn
19	07139073	NGUYỄN THANH HOA	19/05/89		<i>thuy</i>	6	sáu
20	07139074	HỒ THỊ KIM HÒA	17/08/89		<i>thuy</i>	6	sáu
21	07139090	VÕ HOÀNG HƯNG	08/04/89		<i>thuy</i>	3	ba
22	07139094	PHẠM QUANG KHẢI	23/01/89		<i>thuy</i>	8	tám
23	07139096	NGUYỄN ĐĂNG SONG KHANG	17/01/89		<i>thuy</i>	8	tám
24	07139095	NGUYỄN MINH KHANG	11/05/89		<i>thuy</i>	3	ba
25	07139105	ĐỖ CAO KỶ	20/12/89		<i>thuy</i>		
26	07139108	ĐẶNG NGỌC LÃNH	05/10/89		<i>thuy</i>	6	sáu
27	07139112	NGUYỄN PHƯỚC LINH	03/06/89		<i>thuy</i>	3	ba
28	07139115	NGÔ YẾN LOAN	11/01/89		<i>thuy</i>	2	hai
29	07139116	ĐỖ ĐẠI HOÀNG LONG	22/01/89		<i>thuy</i>		

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 25 Số bài: 26 Số tờ: 34

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

P.T. Thuy

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thanh Phong

Xác nhận của bộ môn

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn Hợp Hải

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07CC (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07119009	ĐỖ THANH BÌNH	18/02/89		Bình	4	Bình
2	07119001	LÊ VĂN CƯỜNG	30/12/88	✓	Vàng	—	Vàng
3	07119010	VŨ ĐỨC CƯỜNG	23/10/89		Đức	2	Bai
4	07119011	NGÔ VĂN DŨNG	20/10/87		Ngô	3	Bai
5	07119002	NGUYỄN VĂN DUY	27/11/89		Duy	2	Bai
6	07119030	NGUYỄN ĐÔNG	10/01/88		Đông	2	Bai
7	07119012	DƯƠNG THỊ HỒNG	06/01/89		Hồng	3	Bai
8	07119014	ĐÀO TRỌNG KHÁNH	23/12/88		Khánh	2	Bai
9	07119016	NGUYỄN THỊ NGỌC LÀI	27/03/89		Ngọc	6	Sau
10	07119017	VŨ THỊ NGỌC LỢI	05/11/89		Thị Ngọc	5	Nam
11	07119018	NGUYỄN HỒNG MINH	15/12/89		Minh	2	Bai
12	07119019	PHAN TRỌNG NGHĨA	25/04/89		Phan	5	Nam
13	07119020	PHAN VĂN NHẬT	10/05/88		Nhật	7	Bai
14	07119004	VŨ NGUYỄN QUỲNH OANH	21/02/88		Oanh	6	Sau
15	07119021	NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG	27/04/88		Ngọc	5	Nam
16	07119022	LÊ MINH TÂM	02/09/88		Minh	7	Bai
17	07119023	NGUYỄN CÔNG THÀNH	18/07/89		Thành	3	Bai
18	07119005	NGUYỄN THỊ THO	10/03/87		Thị Tho	8	Tam
19	07119024	NGUYỄN THỊ THỎM	30/09/88		Thị Thỏm	6	Sau
20	07119025	TRẦN THỊ THU	26/10/89		Thị Thu	4	Bai
21	07119006	NGUYỄN QUANG TRUNG	10/10/88		Quang	4	Bai
22	07119026	NGUYỄN ANH TUẤN	02/11/89		Anh Tuấn	3	Bai
23	07119027	LÊ THANH TÙNG	02/09/88		Thanh	7	Bai

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Số tờ: 22

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Ngô Hợp Hải



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07KN (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	DIỂM	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07155001	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỂM	06/05/89			9	chín
2	07155004	TRẦN TRỌNG	HẦU	21/12/88			4	bốn
3	07155005	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	19/11/89			6	sáu
4	07155006	HUỖNH THỊ BÍCH	LỆ	29/06/86			8	tám
5	07155008	CAO THỊ NGỌC	NGÂN	19/11/89			4	bốn
6	07155011	HUỖNH MỸ	PHƯƠNG	08/11/89			3	ba
7	07155002	NGÔ THỊ ANH	THỨ	10/02/89			5	năm
8	07155013	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	TRẦN	29/10/88			9	chín
9	07155014	LÊ CAO KHÁNH	TRUNG	15/01/89			9	chín
10	07155016	HUỖNH NGUYỄN	VY	13/11/89			7	bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 09 Số bài: 09 Sở từ: 10

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn Hoàng Hải

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp CD07TH (Nhóm Thi 2) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi PV327

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07329088	VÕ THIÊN NHÂN	03/09/89			2	hai
2	07329089	NGUYỄN THỊ THỦY	07/09/89		✓	—	—
3	07329091	NGUYỄN HỒNG NHUNG	15/02/89		✓	—	—
4	07329093	NGUYỄN QUANG NINH	10/07/84		✓	—	—
5	07329094	VŨ ĐO HOÀNG NY	20/08/88			3	ba
6	07329096	BÙI TẤN PHÁT	23/03/89			2	hai
7	07329102	ĐOÀN THỊ VIỆN PHƯƠNG	04/03/89			2	hai
8	07329101	LÂM THỊ THU PHƯƠNG	19/04/89			4	bốn
9	07329104	PHAN VĂN PHƯƠNG	10/10/89			2	hai
10	07329105	K' PLỖS	07/08/88			5	năm
11	07329106	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	14/08/87			2	hai
12	07329107	NGUYỄN MINH QUÂN	27/06/89			2	hai
13	07329108	LÊ ANH QUỐC	01/01/88			2	hai
14	07329110	LÊ QUANG QUÝ	17/10/86			3	ba
15	07329112	THÁI THỊ NGỌC QUYÊN	02/11/89			6	sáu
16	07329115	NGUYỄN THÀNH SƠN	02/09/89			2	hai
17	07329113	TRẦN QUỐC SƠN	05/01/90		✓	—	—
18	07329114	TRẦN THÁI SƠN	16/11/88			2	hai
19	07329116	NGUYỄN THẾ TÀI	19/05/87			3	ba
20	07329118	HUỲNH NGỌC TÂM	01/01/89			8	tám
21	07329119	PHAN THANH TÂM	06/10/89			3	ba
22	07329120	TÔ MINH TÂN	27/03/89			2	hai
23	07329122	PHẠM NGỌC THÁI	04/11/89			2	hai
24	07329123	TRẦN QUỐC THÁI	1 / 89		✓	—	—
25	07329125	NGUYỄN QUỐC THANH	24/09/89			6	sáu
26	07329124	TRẦN NGỌC THANH	15/02/87			0	không
27	07329126	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	27/11/88			3	ba
28	07329128	BÙI PHƯỚC THANH	01/06/86		✓	—	—
29	07329127	THÁI AN THANH	16/05/89			7	bảy
30	07329129	TRẦN MINH THẢO	31/03/85			6	sáu
31	07329131	VŨ VĂN THẢO	20/01/88			2	hai
32	07329133	LÝ BẢO THIÊN	29/12/89			5	năm
33	07329135	HOÀNG CÔNG THIẾU	10/06/89			6	sáu
34	07329136	HỒ NGỌC THỊNH	10/05/80		✓	—	—
35	07329138	HỒ VĂN THU	09/02/89			2	hai
36	07329186	ĐOÀN VĨNH THUẦN	21/11/88		✓	—	—

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi Lớp CD07TH (Nhóm Thi 2)) - Tổ 003 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07329139	MAI THỊ THÚY	08/07/89		✓	—	—
38	07329140	LÊ THỊ KIỀU	27/03/89		<i>gpc</i>	4	<i>bốn</i>
39	07329141	NGUYỄN QUYẾT	25/03/89		<i>thuy</i>	2	<i>hai</i>
40	07329142	ÔN THẾ	11/05/88		✓	—	—
41	07329143	VÕ VĂN	04/05/87		✓	—	—
42	07329144	NGUYỄN ĐỨC	01/02/88		✓	—	—
43	07329145	TRẦN MINH	01/06/88		<i>tr</i>	2	<i>hai</i>
44	07329146	LÂM HOÀNG	05/08/89		✓	—	—
45	07329148	NGUYỄN VĂN	23/12/89		<i>vn</i>	3	<i>ba</i>
46	07329183	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	24/12/89		<i>gpc</i>	3	<i>ba</i>
47	07329151	LÊ THÚY	02/09/89		<i>trang</i>	3	<i>ba</i>
48	07329149	NGUYỄN ĐOÀN MINH	09/06/89		<i>thuy</i>	3	<i>ba</i>
49	07329153	VÕ TRẦN ĐỨC	18/01/88		<i>gpc</i>	3	<i>ba</i>
50	07329155	PHẠM THỊ MỸ	18/05/89		<i>mp</i>	3	<i>ba</i>
51	07329156	HỨA THANH	23/03/88		<i>ly</i>	3	<i>ba</i>
52	07329158	BÙI THỊ PHƯƠNG	09/08/88		✓	—	—
53	07329159	NGUYỄN VĂN	15/05/89		<i>tr</i>	8	<i>tám</i>
54	07329161	NGUYỄN VĂN	28/02/89		✓	—	—
55	07329160	PHẠM LINH	24/04/88		✓	—	—
56	07329163	NGÔ ĐÌNH	08/08/88		<i>gpc</i>	4	<i>bốn</i>
57	07329165	NGUYỄN ĐÌNH	01/07/89		✓	—	—
58	07329166	TRẦN THANH	TÚ	11/10/88	<i>tr</i>	2	<i>hai</i>
59	07329168	NGUYỄN VĂN	TUẤN	06/12/83	✓	—	—
60	07329172	LÊ THỊ ÁNH	TUYẾT	02/02/89	<i>lyet</i>	8	<i>tám</i>
61	07329174	PHAN THỊ HỒNG	VÂN	10/04/89	<i>van</i>	8	<i>tám</i>
62	07329178	HUYỀN TẤN	VINH	27/01/89	<i>thuyet</i>	1	<i>một</i>
63	07329177	NGUYỄN HỮU	VINH	22/07/89	<i>anh</i>	3	<i>ba</i>
64	07329179	DƯƠNG HOÀI	VŨ	10/09/89	✓	—	—
65	07329180	PHẠM TRẦN	VŨ	17/11/89	<i>tr</i>	3	<i>ba</i>
66	07329182	TỔNG THỊ BÌNH	YÊN	14/04/87	<i>gpc</i>	5	<i>năm</i>

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 47 Số bài: 47 Số tờ: 1049

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

mh
Lê Nguyễn Mai Anh

Cán bộ coi thi 2

tr

Hà Thị Thảo Tran

Xác nhận của bộ môn

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1

gpc
Ng Huy Hai

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07DC (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07151039	BÙI VĂN AN	10/11/89		<i>Bui Van An</i>	3	ba
2	07151001	LƯU MINH AN	02/08/89		<i>Luu Minh An</i>	4	bốn
3	07151002	ĐẶNG THỊ LAN	29/12/89		<i>Dang Thi Lan</i>	6	sáu
4	07151040	HUỖNH NGỌC ANH	13/11/88		<i>Huynh Ngoc Anh</i>	3	ba
5	07151003	TRẦN THỊ BÍCH	10/01/89		<i>Tran Thi Bich</i>	4	bốn
6	07151005	NGÔ THÀNH CÔNG	25/07/87		<i>Ngô Thành Công</i>	5	năm
7	07151041	TRẦN THỊ NGỌC DUNG	16/09/89		<i>Tran Thi Ngoc Dung</i>	6	sáu
8	07114070	TRỊNH QUỐC DŨNG	23/03/88		<i>Trinh Quoc Dung</i>	5	năm
9	07151043	LÊ THANH DUY	25/09/89		<i>Le Thanh Duy</i>	8	tám
10	07151045	NGUYỄN THỊ THÚY DƯƠNG	04/02/88		<i>Nguyen Thi Thuy Duong</i>	7	bảy
11	07151044	TRẦN NGUYỄN DƯƠNG	02/10/88		<i>Tran Nguyen Duong</i>	2	hai
12	07151007	LÊ THỊ ANH ĐÀO	12/11/87		<i>Le Thi Anh Dao</i>	7	bảy
13	07151008	LÊ HẢI ĐĂNG	16/06/89		<i>Le Hai Deng</i>	5	năm
14	07151047	NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG	10/10/80				
15	07151009	NGUYỄN THỊ THU HÀ	20/10/88		<i>Nguyen Thi Thu Ha</i>	4	bốn
16	07151048	TRƯƠNG THỊ HẠNH	04/07/89		<i>Truong Thi Hanh</i>	3	ba
17	07151010	LÊ MINH HIỀN	14/04/87		<i>Le Minh Hien</i>	6	sáu
18	07151049	TRẦN THỊ TRUNG HIỀN	10/04/89		<i>Tran Thi Trung Hien</i>	5	năm
19	07151051	PHẠM THÁI HOÀNG	30/06/89		<i>Pham Thai Hoang</i>	6	sáu
20	07151013	ĐÀO VĂN HÙNG	21/12/86		<i>Dao Van Hung</i>	3	ba
21	07151052	NGÔ ĐỨC HUY	20/10/89		<i>Ngô Đức Huy</i>	3	ba
22	07151014	NGUYỄN TRỌNG HUY	29/06/90		<i>Nguyen Trong Huy</i>	2	hai
23	07151053	NGUYỄN ĐỨC HUYNH	15/09/89		<i>Nguyen Đức Huynh</i>	4	bốn
24	07151054	ĐỖ VĂN HƯỜNG	03/01/88		<i>Do Van Huong</i>	3	ba
25	07112105	HUỖNH MINH KHA	25/02/89		<i>Huynh Minh Kha</i>	8	tám
26	07151055	LÊ THỊ KIỀU	20/08/88		<i>Le Thi Kieu</i>	7	bảy
27	07151056	NGUYỄN PHƯỚC LINH	07/11/89		<i>Nguyen Phuc Linh</i>	6	sáu
28	07151059	LÊ VĂN LỘC	27/10/85		<i>Le Van Loc</i>	5	năm
29	07151015	VŨ XUÂN LỘC	19/04/88		<i>Vu Xuan Loc</i>	6	sáu
30	07151089	TRẦN HOÀNG LUÂN	30/07/88		<i>Tran Hoang Lun</i>	5	năm
31	07151016	NGUYỄN THỊ MAI	20/10/85		<i>Nguyen Thi Mai</i>	9	chín
32	07151017	HUỖNH THỊ KHÁNH NGÂN	28/01/88		<i>Huynh Thi Khanh Ngan</i>	6	sáu
33	07151060	NGÔ KIM NGÂN	07/10/89		<i>Ngô Kim Ngan</i>	3	ba
34	07151018	NGUYỄN CÔNG NGHĨA	01/01/89		<i>Nguyen Cong Nghia</i>	4	bốn
35	07151061	PHẠM QUANG NGHĨA	18/11/87		<i>Pham Quang Nghia</i>	3	ba
36	07151062	TRẦN QUÝ NGỌC	01/06/89		<i>Tran Quy Ngoc</i>	5	năm

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi Lớp DH07DC (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07151019	ĐỖ CẨM	NHUNG	11/04/89		7	ba
38	07151020	NGÔ HỒNG	NHUNG	15/10/89		4	bốn
39	07151064	PHẠM TÂN	NHƯT	15/03/89		1	một
40	07151065	ĐỖ THỊ	NIỆM	26/08/89		3	ba
41	07151021	TRƯƠNG THẾ	NU	29/10/88		2	hai
42	07151088	NGUYỄN LÂM DUY	PHÚC	04/01/89		/	/
43	07151069	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	19/09/87		8	tám
44	07151022	NGUYỄN ANH	QUỖ	01/10/89		9	chín
45	07151071	BÙI THANH	SANG	/ /84		2	hai
46	07151023	NGUYỄN THẠCH	SANG	15/02/89		3	ba
47	07151024	NGUYỄN DUY	TÂM	19/07/86		3	ba
48	07151025	NGUYỄN THANH	TÂM	07/11/89		5	năm
49	07151026	BÙI NGỌC	TÂN	10/12/87		3	ba
50	07151074	HOÀNG VĂN	THÁI	16/08/86		3	ba
51	07151075	NGUYỄN VĂN	THÁI	05/09/89		/	/
52	07151076	VÕ VĂN	THANH	22/10/85		4	bốn
53	07151027	NGUYỄN THỊ	THẢO	08/08/89		10	mười
54	07151077	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	25/08/88		9	chín
55	07151028	BÙI TRẦN MINH	TIẾN	19/10/88		2	hai
56	07151078	DUY NGỌC	TIẾN	09/12/88		7	ba
57	07151079	NGUYỄN TĂNG	TIẾN	05/12/88		7	ba
58	07151029	VĂN CÔNG	TÌNH	16/02/89		3	ba
59	07151030	LÊ TRẦN BÁ	TÍNH	01/01/89		9	chín
60	07151031	TRẦN VĂN	TÍNH	20/12/88		4	bốn
61	07151080	HOÀNG NGỌC HÀ	TRANG	20/09/89		7	ba
62	07151081	LÊ THỊ	TRANG	27/05/89		2	hai
63	07151032	NGÔ THUY	TRANG	28/05/89		/	/
64	07151082	NGUYỄN THỊ KHÁNH	TRÂM	10/10/89		3	ba
65	07151033	LÊ HỮU	TRỌNG	01/11/89		3	ba
66	07151034	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	14/09/87		3	ba
67	07151035	PHAN VĂN	TUẤN	03/10/87		3	ba
68	07151083	TƯỚNG THANH	TÙNG	02/10/89		7	ba
69	07151036	NGUYỄN MINH	TUYẾN	01/01/89		7	ba
70	07151084	TRẦN HỒ MINH	TƯỜNG	28/04/89		7	ba
71	07151085	HUYỀN VĂN	ÚT	06/11/88		8	tám
72	07151037	TỔNG THỊ HỒNG	VÂN	02/04/88		9	chín
73	07151038	HỒ DUY	VŨ	26/06/88		4	bốn
74	07151086	CHUNG LỢI TIỂU SƠN	VƯƠNG	02/10/85		4	bốn

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị (00102) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi Lớp DH07DC (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
75	07151087	NGUYỄN THỊ THU XA	10/08/89		<i>Thu</i>	7	<i>Bảy</i>

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 71 Số bài: 71 Sở tờ: 88

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *phm*

BUI TRANG PHƯƠNG NAM

Cán bộ coi thi 2 *vu*

Vũ Thị Bạch Tuyết

Xác nhận của bộ môn *TS. Võ Thị Hồng*

TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1 *Ng*

Ng Hoàng Hải

Cán bộ chấm thi 2 _____